

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 07 - 6 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Hoàng Hải Yến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Diệu Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1070/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Bình D1**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **Thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Lê Thị D** trình bày:

Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** có thời gian tìm hiểu nhau rồi được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Hai người đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H (nay là xã H, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế vào tháng 02/2020. Sau khi kết hôn, chị **D** và anh **D1** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh **D1** thường xuyên rượu chè, cờ bạc và thiếu trách

nhệm với vợ con. Sau đó, chị **D** đã đưa con về nhà cha mẹ để ở cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau, anh **D1** có một vài lần đến để thăm con và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng được một thời gian ngắn thì anh **D1** vẫn không thay đổi lối sống. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được và tình cảm vợ chồng cũng không thể hàn gắn. Do đó, chị **D** khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh **D1**.

Về con chung: Chị **Lê Thị D** khai có chung với anh **Trần Bình D1** 02 con chung tên là **Trần Lê Mạnh H**, sinh ngày 27/9/2020 và **Trần Lê Mạnh C**, sinh ngày 28/01/2024. Chị **D** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh **D1** phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị **D** khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh cháu **Trần Lê Mạnh H** và **Trần Lê Mạnh C** (Bản sao); Căn cước công dân chị **Lê Thị D** (Bản sao); Giấy xác nhận nơi cư trú của anh **Trần Bình D1** (Bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng anh **Trần Bình D1** đều không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, anh **D1** có mặt và trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị **D** trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau. Bản thân anh **D1** mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị **D** kiên quyết ly hôn thì anh **D1** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh **Trần Bình D1** xác nhận có 02 con chung như chị **D** trình bày. Anh **D1** cũng có nguyện vọng được nuôi một con chung là cháu **Trần Lê Mạnh H**.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh **D1** xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị **Lê Thị D** được ly hôn anh **Trần Bình D1**.

- Về con chung: Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** có 02 con chung tên là **Trần Lê Mạnh H** và **Trần Lê Mạnh C**. Hiện tại, cả 02 con chung đều còn nhỏ và đều đang ở với chị **D** nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị **D** nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **D** không yêu cầu anh **D1** phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn là chị **Lê Thị D** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, cả nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại **thành phố H**. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét về tình trạng hôn nhân hiện tại và yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã **H**, thị xã **H** (nay là xã **H**, thành phố **H**), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/02/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị **D** và anh **D1** là hợp pháp. Chị **D** và anh **D1** đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; đồng thời giữa hai người cũng đã nhiều lần cùng nhau tìm kiếm phương án giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ nhưng đều không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay, chị **D** vẫn kiên quyết ly hôn nên anh **D1** đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1**.

[3] Về con chung: Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** có 02 con chung tên là **Trần Lê Mạnh H**, sinh ngày 27/9/2020 và **Trần Lê Mạnh C**, sinh ngày 28/01/2024. Xét về điều kiện nuôi con thì cả hai người đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, hiện tại cả 02 con chung đang còn nhỏ và từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu **H** đã quen ở với chị **D**. Do đó, để đảm bảo ổn định về tâm lý của con chưa thành niên, Hội

đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 con chung cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị **D** không yêu cầu anh **D1** phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên anh **D1** không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là chị **Lê Thị D** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 55, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1**.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là **Trần Lê Mạnh H**, sinh ngày 27/9/2020 và **Trần Lê Mạnh C**, sinh ngày 28/01/2024 cho chị **Lê Thị D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Trần Bình D1** không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Chị **Lê Thị D** và anh **Trần Bình D1** đều xác nhận không có.

4. Về án phí: Buộc chị **Lê Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001447 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị **Lê Thị D** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND xã Hương Phong, thành phố Huế;
- Lưu HSVA, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Văn Nam**